

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22- 3 - 2022  
V/v ly hôn giữa anh T và chị L

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Biền

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Đức Khang

2. Bà Dương Thị Vui

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Anh Lê Xuân T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm 8, xã Phúc Thắng, huyện N, Nam Định. Là nguyên đơn.

- Chị Chu Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm 8, xã Phúc Thắng, huyện N, tỉnh Nam Định. Là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Xuân T trình bày: Anh và chị Chu Thị L kết hôn ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng (nay là xã Phúc Thắng). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia vợ chồng không hòa thuận và thường xuyên cãi vã. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn. Về con chung: Anh T xác định anh và chị L có 03 (ba) con chung là Lê Hải Anh, sinh ngày 21/11/2006, Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 12/02/2009 và Lê Thanh Bình, sinh ngày 14/9/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn anh đề nghị để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con

chung và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) một cháu một tháng cho đến khi các cháu thành niên 18 tuổi. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị L có bản tự khai gửi cho tòa án. Nội dung bản tự khai của chị L khai về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều anh T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị L xác định là do anh T có quan hệ tình cảm với người khác. Nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, chị không nhất trí ly hôn còn trong trường hợp anh T cứ ly hôn chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với vợ con. Về con chung, chị L xác định anh chị có ba con chung là cháu Lê Hải Anh, sinh ngày 21/11/2006, Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 12/02/2009 và Lê Thanh Bình, sinh ngày 14/9/2018, hiện các cháu đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cả 3 con chung và chị yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/1 cháu cho tới khi các cháu thành niên 18 tuổi. Về tài sản chung chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Chu Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Phúc Thắng, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân T và chị Chu Thị L kết hôn vào ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng (nay là xã Phúc Thắng). Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa anh Lê Xuân T và chị Chu Thị L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị L không nhất trí ly hôn nhưng cũng không muốn níu giữ tình cảm. Xét thấy chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại do đó cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh T và chị L thống nhất xác định vợ chồng có 3 con chung là Lê Hải Anh, sinh ngày 21/11/2006, Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 12/02/2009 và Lê Thanh Bình, sinh ngày 14/9/2018. Xét thấy khi vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân thì các cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay

vẫn đảm bảo tốt sự phát triển cho cháu, cháu Hải Anh và cháu Ngọc Ánh cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. Anh T là lao động tự do chưa có nơi cư trú ổn định còn chị L có công việc kinh doanh có thu nhập và có nơi cư trú rõ ràng ổn định do vậy hai bên thống nhất để chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho các cháu là phù hợp với sự phát triển về thể chất và tâm lý cho cháu nên được chấp nhận. Hai bên thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng một cháu một tháng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu thành niên 18 tuổi là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của chị Chu Thị L yêu cầu anh T phải thực hiện việc cấp dưỡng một lần sau khi ly hôn là không có căn cứ và không phù hợp với khả năng điều kiện thực tế của nguyên đơn nên không được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử lý hôn giữa Anh Lê Xuân T và chị Chu Thị L.

2. Giao cho chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hải Anh, sinh ngày 21/11/2006, Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 12/02/2009 và Lê Thanh Bình, sinh ngày 14/9/2018, sinh ngày 01/01/2011. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một cháu một tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Anh Lê Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0001318 ngày 28/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T còn phải tiếp tục nộp án phí là 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị L. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phúc Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Bùi Văn Biên**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Biên**

